

Chương II **XÃ HỘI CỔ ĐẠI**

Bài 3 CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG *(2 tiết)*

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần nắm được :

– Những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Đông và sự phát triển ban đầu của các ngành kinh tế ; từ đó thấy được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và nền tảng kinh tế đến quá trình hình thành nhà nước, cơ cấu xã hội, thể chế chính trị... ở khu vực này như thế nào.

– Những đặc điểm của quá trình hình thành xã hội có giai cấp và nhà nước, cơ cấu xã hội của xã hội cổ đại phương Đông.

– Thông qua việc tìm hiểu về cơ cấu bộ máy nhà nước và quyền lực của nhà vua, HS cần hiểu rõ thế nào là chế độ chuyên chế cổ đại.

– Những thành tựu lớn về văn hoá của các quốc gia cổ đại phương Đông.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Bồi dưỡng lòng tự hào về truyền thống lịch sử của các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam.

3. Về kĩ năng

Biết sử dụng bản đồ để phân tích những thuận lợi, khó khăn và vai trò của điều kiện địa lí ở các quốc gia cổ đại phương Đông.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Bài này được học trong 2 tiết. Tiết 1 gồm 3 mục 1, 2, 3 và tiết 2 gồm mục 4 và 5. Sở dĩ tiết 2 chỉ có 2 mục là vì muốn dành nhiều thời gian hơn cho nội dung văn hoá ở mục 5.

Bài "Các quốc gia cổ đại phương Đông" có thể giúp HS biết nhìn khái quát về một loại hình xã hội cổ đại, một loại hình chuyển tiếp sau xã hội nguyên thủy.

Loại hình này bao gồm một tổng thể cấu trúc kinh tế xã hội – chính trị và cả văn hoá, phù hợp với nhau, ăn khớp với nhau mà nền tảng của nó là nền kinh tế nông nghiệp tưới nước dựa trên những điều kiện thiên nhiên thuận lợi ở lưu vực các dòng sông lớn. Từ đó dẫn tới sự ra đời sớm của xã hội có giai cấp và nhà nước với trình độ thấp, tốc độ chậm và bảo tồn nhiều yếu tố của thời công xã nguyên thủy.

Tuy nhiên, đây không phải là một bài duy vật lịch sử mà là một bài lịch sử, trình bày những nét cơ bản của các hiện tượng kinh tế, xã hội, chính trị của các quốc gia cổ đại phương Đông. Vì vậy khi trình bày, GV cần minh hoạ bằng những dẫn chứng cụ thể.

Khi giảng mục 4, GV cần lưu ý rằng quá trình hình thành nhà nước ở các quốc gia cổ đại phương Đông là một quá trình liên kết các thị tộc thành bộ lạc, các bộ lạc thành *Liên minh bộ lạc* và khi giai cấp hình thành thì nhà nước thay thế liên minh bộ lạc. Nói cách khác, do nhu cầu sản xuất và trị thuỷ các dòng sông, người ta phải gắn kết với nhau trong một cộng đồng nhỏ, rồi lại gắn kết với nhau trong một cộng đồng lớn hơn... cứ như thế mà trở thành một nước, một quốc gia, còn trong nội bộ mỗi cộng đồng có rất ít sự thay đổi. Vì thế, quá trình hình thành xã hội có giai cấp và nhà nước ở đây có những đặc điểm riêng biệt như trên đã nói.

Mục 5 dành cho văn hoá. SGK mới đặc biệt coi trọng việc cho HS hiểu biết về văn hoá của mỗi thời. Vì vậy khi giảng, GV cần dành cho mục 5 thời lượng nhiều hơn. Cần cho HS thấy rõ phương Đông là cái nôi của văn minh nhân loại ; nhiều phát minh, thành tựu văn hoá của các dân tộc phương Đông thời cổ đại đến nay loài người vẫn đang sử dụng.

2. Về phương pháp

GV nên chú ý đây là một tiết học lịch sử văn hoá khái quát, nên cần đặc biệt chú trọng phương pháp lịch sử ; phải gợi cho HS thấy được những thành tựu đó đối với ngày nay có thể là dễ dàng, nhưng cách đây 4000 – 3000 năm thì nó đòi hỏi sự cố gắng, sự sáng tạo vĩ đại và có ý nghĩa lớn lao như thế nào. Khi giảng về văn hoá cần đưa ra nhiều ví dụ, giới thiệu nhiều hình ảnh để bài giảng được sinh động.

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC

GV nên có bản đồ "Các quốc gia cổ đại" hoặc bản đồ thế giới và một số tranh ảnh tối thiểu để minh hoạ.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY — HỌC

1. Giới thiệu bài học

Có thể đặt câu hỏi gợi ý về nguyên nhân tan rã của xã hội nguyên thủy để chuyển sang xã hội cổ đại phương Đông.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế

Về nội dung, mục này có 3 ý chính :

– Điều kiện tự nhiên của lưu vực các dòng sông lớn và những thuận lợi, khó khăn của chúng. Cần khai thác hết các ý trong bài, trong đó cần nhấn mạnh hai ý :

+ Đất phù sa màu mỡ và mềm xốp nên công cụ bằng gỗ, đá cũng có thể canh tác được và tạo nên mùa màng bội thu (điều đó giải thích vì sao nhà nước ở đây hình thành sớm khi chưa có công cụ bằng kim loại) ;

+ Muốn bảo vệ mùa màng phải đắp đê, trị thủy, làm thủy lợi. Công việc này vừa đòi hỏi công sức của nhiều người, vừa tạo nên nhu cầu để mọi người sống quần tụ, gắn bó với nhau trong các tổ chức xã hội.

– Sự phát triển của các ngành kinh tế : nông nghiệp tưới nước, chăn nuôi và thủ công nghiệp, trong đó nông nghiệp tưới nước là ngành kinh tế chính, chủ đạo, đã tạo ra sản phẩm dư thừa thường xuyên.

– Do nhu cầu sản xuất và trị thủy, làm thủy lợi... người ta đã sống quần tụ (thành những trung tâm quần cư lớn) và gắn bó với nhau trong tổ chức công xã. Nhờ đó nhà nước sớm hình thành.

Về phương pháp : GV có thể sử dụng bản đồ địa lí tự nhiên để chỉ rõ vị trí các dòng sông lớn và các vùng đồng bằng.

Mục 2. Sự hình thành các quốc gia cổ đại

Có hai ý :

– Cơ sở hình thành : sự phát triển của sản xuất dẫn tới sự phân hoá giai cấp – từ đó nhà nước ra đời.

– Quá trình hình thành nhà nước ở Ai Cập, khu vực Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc.

GV có thể sử dụng Lược đồ các quốc gia cổ đại để đặt câu hỏi cho HS, sau đó chỉ rõ vị trí địa lí, tên và thời gian hình thành các quốc gia cổ đại.

Tuỳ theo thời gian, GV có thể giảng chi tiết hoặc khái lược. Cuối cùng, GV cần chốt lại là nhà nước ở khu vực này được hình thành sớm – từ khoảng thiên niên kỉ IV đến thiên niên kỉ III TCN và không cần chờ tới sự xuất hiện công cụ bằng sắt (khác với phần lí luận chung trong bài Xã hội nguyên thủy).

Mục 3. Xã hội cổ đại phương Đông

Nội dung chính của mục này nói về cơ cấu xã hội của xã hội cổ đại phương Đông. Tuy nhiên, SGK vẫn lấy tên đề mục là xã hội có giai cấp đầu tiên như là một thuật ngữ để chỉ một loại hình xã hội. Kết cấu xã hội này tương ứng với nền kinh tế nông nghiệp, vì thế gồm 3 tầng lớp :

1. *Nông dân công xã*, sống theo các gia đình (phụ hệ) có tư hữu (chủ yếu là nhà ở, nông cụ, gia súc...) nhưng họ vẫn duy trì và gắn bó với công xã, phải dựa vào nhau để làm thủy lợi, thu hoạch mùa màng v.v... Đặc biệt, ruộng đất hầu hết vẫn là ruộng đất chung của công xã, đem chia đều thành từng khoảnh, giao cho từng gia đình nông dân. Họ sản xuất và sống riêng lẻ nhưng lại ràng buộc với nhau vì ruộng đất là của chung. Họ tự lo đời sống của mình và nộp thuế cho quan lại địa phương, cho đền miếu và cho nhà nước, vì thế gọi là nông dân công xã. Trong họ, vẫn còn quan hệ ruộng đất cũ (ruộng đất chung của công xã và tổ chức công xã) nằm trong và xen lẫn với quan hệ mới (thành viên của xã hội có giai cấp).

2. *Quý tộc* gồm các quan lại (ở trung ương và địa phương), các thủ lĩnh quân sự và những người phụ trách lễ nghi, tôn giáo (vốn xuất thân từ các bộ lạc đứng đầu các thị tộc). Tầng lớp này sống sung sướng (ở nhà rộng và xây lăng mộ khá lớn) dựa trên sự bóc lột nông dân : họ thu thuế của nông dân dưới quyền trực tiếp hoặc nhận bổng lộc của nhà nước cũng do thu thuế của nông dân.

3. *Nô lệ* chủ yếu là tù binh và thành viên công xã bị mắc nợ không trả được hoặc bị phạm tội. Vai trò của họ là làm các việc nặng, khó nhọc và hầu hạ quý tộc.

GV hướng dẫn HS vẽ lên bảng sơ đồ cơ cấu các tầng lớp xã hội của xã hội cổ đại phương Đông, sau đó nêu câu hỏi cho HS dựa vào SGK để làm rõ thân phận, địa vị và vai trò của mỗi tầng lớp trong xã hội.

Mục 4. Chế độ chuyên chế cổ đại

Có 2 ý :

– Quá trình hình thành nhà nước từ các liên minh bộ lạc (như phần trên đã trình bày) do nhu cầu trị thủy và xây dựng các công trình thủy lợi nên quyền hành cần tập trung vào trong tay nhà vua, tạo nên chế độ quân chủ chuyên chế.

– Chế độ nhà nước do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao và một bộ máy hành chính quan liêu giúp việc thừa hành... gọi là chế độ chuyên chế cổ đại.

GV có thể giảng theo một trình tự logic sau :

+ Trước hết có thể gợi ý cho HS để cùng xây dựng một sơ đồ cơ cấu bộ máy nhà nước.

+ Đặt câu hỏi hoặc gợi ý để HS nêu rõ vai trò, chức năng của từng bộ phận trong cơ cấu nhà nước đó. Từ đó rút ra tính chất quân chủ chuyên chế của nó.

+ Đặt câu hỏi và gợi ý để HS tìm nguyên nhân nào dẫn tới tính chất quân chủ, chuyên chế đó (ý 1).

Mục 5. Văn hoá cổ đại phương Đông

Có thể giảng theo từng lĩnh vực văn hoá.

a) Sự ra đời của Lịch pháp và Thiên văn học

– Thiên văn học và lịch pháp là 2 ngành khoa học ra đời sớm nhất, gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp. GV cần giải thích vì sao có mối liên quan đó.

– Việc tính thời lịch chỉ đúng một cách tương đối, nhưng nông lịch thì có ngay tác dụng thực tiễn đối với việc gieo trồng.

– Mở rộng hiểu biết : con người vươn tầm mắt tới trời, đất, trăng sao vì mục đích làm ruộng của mình, nhưng nhờ đó đã sáng tạo ra 2 ngành khoa học (Thiên văn học và phép tính lịch) và mặc dù trong tay chưa có nổi một chiếc rìu sắt cũng đã vươn ra vũ trụ tìm hiểu cả trời, đất, trăng, sao...

b) *Chữ viết* : là một phát minh lớn và cũng là biểu hiện đầu tiên và cơ bản của văn minh loài người.



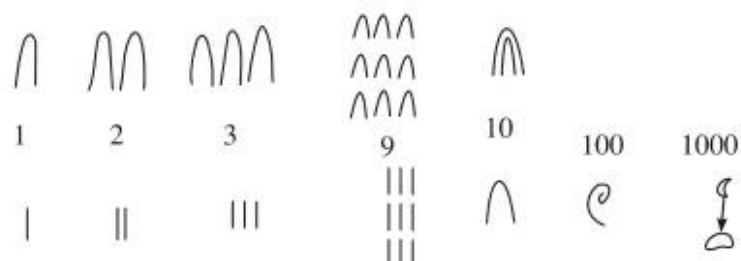
– Giới thiệu ngắn gọn những dạng chữ đầu tiên và những phương tiện ghi chữ (khi chưa có giấy bút). Dạng chữ chủ yếu là tượng hình (vẽ giống hình để chỉ vật), ghép hình để tượng ý.

– Phát minh lớn từ cách đây 4000 – 5000 năm phải cần có những nhà bác học lớn thời nay mới đọc được.

c) *Toán học* cũng ra đời sớm, mặc dù ban đầu còn thô sơ. Việc tính toán rất cần cho con người : Có mấy con bò ? Bao nhiêu người làng bên đi chợ ? Cần chừng nào phiến đá thì đủ xây một công trình ?

Người Lương Hà hay đi buôn bán xa, thạo về số học ; người Ai Cập hay phải đo lại ruộng và vẽ các hình để xây tháp nên thạo về hình học.

Ban đầu, người Ai Cập viết các số theo hình *ngón tay*, về sau, cải tiến thành *vạch* :



d) *Kiến trúc*

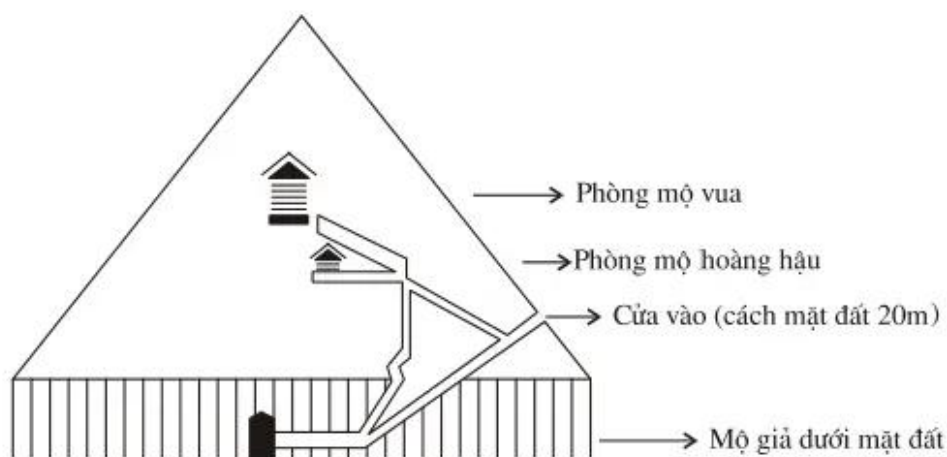
Khi giảng mục này, GV có thể đảo các ý như sau, để gây hứng thú :

– Thời cổ đại, người ta xây dựng nhiều công trình lớn : thành thị cổ Ấn Độ Ha-ráp-pa, tháp "chọc trời" và thành thị cổ Ba-bi-lon ở Lương Hà... nhưng nổi bật nhất là các Kim tự tháp ở Ai Cập.

– Xây dựng lớn như thế để làm gì ? Vì sao có thể làm được ? (đoạn mở đầu của mục kiến trúc).

– Ý nghĩa của các công trình này.

Với khuôn khổ 1 tiết học, GV chỉ có thể giới thiệu bốn lĩnh vực chủ yếu. Thực ra còn rất nhiều thành tựu trong các lĩnh vực khác (sáng tác văn học dân gian, ghi chép tài liệu lịch sử, dựng đền, tạc tượng v.v...) chưa thể nói hết được, tuy cũng rất phong phú và lí thú.



Giảng bài này, GV nên quan tâm vận dụng thật linh hoạt các phương pháp, trong đó đặc biệt chú ý :

1) Nên đưa nhiều ví dụ, giới thiệu nhiều hình ảnh sinh động.

2) Nếu chỉ kể từng mặt rời rạc sẽ gây ít hứng thú. Đây là một tiết học *lịch sử văn hoá khái quát* nên cần đặc biệt chú trọng phương pháp lịch sử : gọi cho HS *hình dung* những thành tựu đó đối với ngày nay có thể là dễ dàng, nhưng cách đây 4000 – 3000 năm thì nó đòi hỏi sự cố gắng, sự sáng tạo vĩ đại và ý nghĩa lớn lao như thế nào.

3. Sơ kết bài

GV có thể đặt câu hỏi hoặc nhắc lại những ý chính để củng cố bài và gợi mở cho bài sau.

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thư viện của vua At-xua-ba-ni-pan

Trong cung điện của vua At-xua-ba-ni-pan có đến vài nghìn cuốn sách bằng đất sét. Mỗi cuốn gồm nhiều "trang" – những tấm đất sét kích thước bằng nhau. Dưới mỗi tấm đất sét có ghi tên cuốn sách và số "trang". Tên của cuốn sách được ghi ở "trang" đầu tiên của tấm thứ nhất.

Trong thư viện, sách được sắp xếp theo thứ tự nhất định theo các ngành khoa học. Phiếu thư mục ghi tên sách và số lượng dòng của mỗi "trang" giúp cho việc tìm sách cần thiết được dễ dàng. Trên tất cả các "trang" bằng đất sét đều có đóng dấu của thư viện với dòng chữ "Cung điện của At-xua-ba-ni-pan, Chúa tể vũ trụ, Quốc vương Át-xi-ri".

Các sách bằng đất sét trong thư viện này rất phong phú : ngữ pháp, sử biên niên (loại sử ghi lại các sự kiện theo năm, tháng) ghi lại các sự kiện lịch sử quan trọng nhất của Ba-bi-lon của Át-xi-ri, hiệp ước giữa các nước, luật pháp, báo cáo về công trình xây dựng cung điện nhà vua, đệ trình của các quan lại, tin tức tình báo về tình hình các nước láng giềng, danh sách các nước chư hầu Át-xi-ri và số lượng thuế phải thu, những bài về y tế, công văn, bảng kê khai động vật, thực vật và khoáng sản, sổ sách kế toán của nhà vua, các loại đơn kiện, kế ước, giấy tờ mua bán nhà cửa hoặc nô lệ. Những tấm đất sét ấy đã giúp cho các nhà bác học biết rất nhiều về lịch sử, văn hoá, kinh tế và tôn giáo của các dân tộc cổ đại ở vùng Lưỡng Hà.

(Theo : *Thế giới cổ đại*, T. 1, NXB Giáo dục, H., 1966)